

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN
Số 603 Đường Bà Triệu, Phường Đồng Kinh, Thành phố Lạng Sơn
Tel: (84-25) 387 0278 Fax: (84-25) 387 8003

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24

01
EM
AC
DI

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là “Ban Điều hành”) trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn được đổi tên từ Công ty Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND-KT ngày 21 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4900100357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Tên giao dịch : CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN
Tên nước ngoài : LANG SON WATER CONTROL WORK EXPLOITATION STATE OWNED LIMITED COMPANY
Trụ sở chính : Số 603 Đường Bà Triệu, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Điện thoại : (84-025) 387 0278
Fax : (84-025) 387 8003

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Chi Lăng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Hữu Lũng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Cao Lộc;
- Xí nghiệp Xây lắp;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Thành phố;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Văn Lãng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Lộc Bình;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Sơn;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Văn Quan;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Gia;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Đình Lập;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình Thủy lợi Tràng Định.

Hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 03 năm 2020, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn hoạt động với ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác thủy sản nội địa, Chi tiết: Khai thác thủy sản nước ngọt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đập, cống, tràn, kênh, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn giám sát chất lượng công trình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2023 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Mai Lan

Chủ tịch công ty - Đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Vũ Xuân Hào

Tổng Giám đốc

Ông Liễu Văn Thông

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam (ACC_Vietnam).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 1.572.466.868 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm 2023.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác. Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành



Lê Mai Lan

Chủ tịch công ty

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2024

12
T
H
- T
31
NA
2, 4



CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC VIỆT NAM

ACC_VIETNAM AUDITING - VALUATION CONSULTANCY COMPANY

Trụ sở chính/ Head Office: Số 11/24 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

VPGD/Office: P.502, tòa nhà Sunrise, 90 Trần Thái Tông, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-24) 3795 0839 * Fax: (84-24) 3795 0838

Email: thanhnguyen.accvietnam@gmail.com * Website: <http://www.acc-vietnam.com>

Số:31824/BCKT-ACC_VIETNAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam (ACC_VIETNAM) đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Lạng Sơn, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định. Theo đó Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định cũng như những ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty chưa thực hiện bù trừ công nợ nội bộ cũng như các giao dịch nội bộ phát sinh trong năm giữa Công ty với các Xí nghiệp thành viên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC_VIỆT NAM



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Đăng ký hành nghề số: 0814-2023-084-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Lê Thu Hà

Kiểm toán viên

Đăng ký hành nghề số: 4892-2024-084-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.478.058.793	61.233.814.911
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	32.625.467.651	13.516.413.744
1	Tiền	111		16.225.467.651	12.016.413.744
2	Các khoản tương đương tiền	112		16.400.000.000	1.500.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	16.000.000.000
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4	-	16.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.722.439.219	29.379.393.778
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	22.277.007.068	22.019.647.110
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	30.000.000	4.171.597.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	999.015.201	994.377.078
4	Các khoản phải thu khác	136	8	1.416.416.950	2.193.772.590
IV	Hàng tồn kho	140	9	1.119.159.653	1.303.353.681
1	Hàng tồn kho	141		1.119.159.653	1.303.353.681
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.010.992.270	1.034.653.708
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	116.206.136	111.501.172
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	14	894.786.134	923.152.536
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		983.288.190.690	934.684.228.549
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.647.017.417	10.816.545.223
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	2.058.158.106	1.539.385.848
2	Phải thu nội bộ dài hạn	214	7	1.660.647.538	9.357.947.602
3	Phải thu dài hạn khác	216		9.000.000	-
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	11	(80.788.227)	(80.788.227)
II	Tài sản cố định	220		977.960.515.314	922.274.375.714
1	Tài sản cố định hữu hình	221	12	977.960.515.314	922.274.375.714
-	- Nguyên giá	222		1.182.899.849.192	1.124.198.640.192
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.939.333.878)	(201.924.264.478)
III	Tài sản dở dang dài hạn	240		93.342.816	-
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		93.342.816	-
IV	Tài sản dài hạn khác	260		1.587.315.143	1.593.307.612
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.587.315.143	1.593.307.612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.042.766.249.483	995.918.043.460

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.238.033.250	36.768.377.280
I	Nợ ngắn hạn	310		29.119.372.031	36.413.961.579
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.621.546.264	12.530.852.075
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	154.408.200
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	14	2.337.724.240	1.956.464.126
4	Phải trả người lao động	314		4.662.099.993	3.419.332.171
5	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	15	9.456.908.725	17.091.742.879
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.482.317	66.340.123
7	Phải trả ngắn hạn khác	319		32.085	66.000.002
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	1.497.084.545	447.985.587
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		507.493.862	680.836.416
II	Nợ dài hạn	330		118.661.219	354.415.701
1	Phải trả nội bộ dài hạn	335	15	-	270.000.000
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		118.661.219	84.415.701
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.013.528.216.233	959.149.666.180
I	Vốn chủ sở hữu	410	17	1.013.519.500.881	959.149.666.180
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.010.138.285.454	956.147.116.454
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.814.000.000	1.444.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.567.215.427	1.558.549.726
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.558.549.726	1.546.180.342
	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.665.701	12.369.384
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8.715.352	-
1	Nguồn kinh phí	431		8.715.352	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.042.766.249.483	995.918.043.460

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch công ty

Trần Quế Anh

Phí Thị Hồng Thương

Lê Mai Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mẫu B02-DN

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	94.770.966.085	86.771.724.500
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.770.966.085	86.771.724.500
4	Giá vốn hàng bán	11	20	90.285.747.181	82.983.967.790
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.485.218.904	3.787.756.710
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.783.602.968	1.302.737.158
7	Chi phí tài chính	22		-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	25		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.894.068.755	4.394.581.364
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		374.753.117	695.912.504
11	Thu nhập khác	31	23	1.207.557.069	865.768.216
12	Chi phí khác	32		9.843.318	45.979
13	Lợi nhuận khác	40		1.197.713.751	865.722.237
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.572.466.868	1.561.634.741
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	314.493.374	312.326.948
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.257.973.494	1.249.307.793

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch công ty

Trần Quế Anh

Phí Thị Hồng Thương



Lê Mai Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính 2023
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	81.677.986.781	72.005.068.100
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(65.258.624.816)	(55.337.356.377)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(23.403.036.863)	(22.157.991.548)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-	-
5. Tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(315.000.000)	(493.756.659)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	90.884.691.620	67.663.588.452
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(81.611.670.398)	(66.899.116.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.974.346.324	(5.219.564.707)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(87.342.816)	(69.399.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.450.000.000)	(46.790.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	44.450.000.000	46.760.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	922.050.399	1.297.711.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.834.707.583	1.198.311.731
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.950.000.000	1.950.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.650.000.000)	(500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	300.000.000	1.450.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	19.109.053.907	(2.571.252.976)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.516.413.744	16.087.666.720
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.625.467.651	13.516.413.744

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch công ty

Trần Quế Anh

Phí Thị Hồng Thương

Lê Mai Lan



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. Khái quát chung**

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn được đổi tên từ Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND-KT ngày 21 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4900100357 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Tên giao dịch : CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LẠNG SƠN
Tên nước ngoài : LANG SON WATER CONTROL WORK EXPLOITATION STATE OWNED LIMITED COMPANY
Trụ sở chính : Số 603 Đường Bà Triệu, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Điện thoại : (84-025) 387 0278
Fax : (84-025) 387 8003

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Chi Lăng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Hữu Lũng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Cao Lộc;
- Xí nghiệp Xây lắp;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Thành phố;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Văn Lãng;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Lộc Bình;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Sơn;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Văn Quan;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Bình Gia;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Đình Lập;
- Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Tràng Định.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 03 năm 2020, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Lạng Sơn hoạt động với ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác thủy sản nội địa, Chi tiết: Khai thác thủy sản nước ngọt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đập, cống, tràn, kênh, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn giám sát chất lượng công trình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

2. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

b. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán cho Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016, sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển các khoản ký cược ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

d. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản nợ phải thu của Công ty với đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng 1 số khoản nợ phải thu khó đòi, quá hạn thanh toán theo quy định hiện hành.

e. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền.

f. Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc sử dụng, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định và nhóm tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước; Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình không thực hiện trích khấu hao theo quy định tại thông tư 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 về việc hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và thông tư 14/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Năm 2020, chi tiết như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	03 - 08

g. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định hữu hình, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa xe,.... Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

h. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua);

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN,...

i. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư được ghi nhận theo Quyết định của Chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế TNDN năm nay.

j. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán số 15 về Hợp đồng xây dựng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ nguồn Thủy lợi phí được cấp, và hoạt động xây lắp các công trình, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp...

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

k. Thuế

Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động xây lắp từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 10%, từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8%, hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp không chịu thuế, hoạt động bán nước là 5%, hoạt động khác là 10%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định các loại thuế khác của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	3.491.360.714	3.226.886.831
Tiền gửi ngân hàng	12.732.106.937	8.789.526.913
Tiền đang chuyển	2.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	16.400.000.000	1.500.000.000
Cộng	32.625.467.651	13.516.413.744

(*) - Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam lãi suất tiền gửi lần đầu từ 2.0 đến 4%/năm.

4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá Gốc	Giá trị ghi sổ	Giá Gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngắn hạn	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000

5. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	22.277.007.068	22.019.647.110
Phòng NNPTNT huyện Chi Lăng	1.558.351.000	107.629.000
Phòng NNPTNT huyện Hữu Lũng	1.998.053.000	1.863.806.000
Phòng NNPTNT huyện Cao Lộc	662.226.587	274.544.000
Phòng NNPTNT huyện Tràng Định	1.246.853.730	1.004.996.730
Phòng NNPTNT huyện Văn Lãng	352.208.000	232.388.000
Phòng NNPTNT huyện Bắc Sơn	2.088.098.000	2.129.886.000
Phòng NNPTNT huyện Lộc Bình	812.303.716	983.496.583
Phòng NNPTNT huyện Văn Quan	1.385.204.000	1.557.440.790
Phòng NNPTNT huyện Bình Gia	98.868.733	694.697.233
Phòng NNPTNT huyện Đình Lập	283.080.000	243.832.000
Phòng Kinh tế Thành phố Lạng Sơn	1.501.937.000	1.437.935.000
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Lạng Sơn	6.251.476.256	8.293.317.508
Chi cục Thủy lợi Lạng Sơn	2.873.143.000	1.472.188.925
Công ty Nhiệt điện Na Dương	173.377.050	191.908.500
Các đối tượng khác	991.826.996	1.531.580.841
Phải thu của khách hàng dài hạn	2.058.158.106	1.539.385.848
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Công trình Hạ Tầng tỉnh Lạng Sơn	106.845.000	106.845.000
Nhà máy Xi măng Đồng Bành	473.917.945	473.917.945
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi	455.686.258	238.569.000
Các đối tượng khác	1.021.708.903	720.053.903
Cộng	24.335.165.174	23.559.032.958

6. Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	30.000.000	37.000.000
Các đối tượng khác	30.000.000	37.000.000
Công ty Phương Đông	-	434.597.000
Xí nghiệp Xây Lắp	-	3.700.000.000
Cộng	30.000.000	4.171.597.000

7. Phải thu nội bộ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	999.015.201	994.377.078
Công ty phải thu nội bộ các Xí nghiệp	964.105.569	988.214.226
Các Xí nghiệp phải thu nội bộ của Công ty	34.909.632	6.162.852
<i>Xí nghiệp Hữu Lũng</i>	28.746.780	-
<i>Xí nghiệp Cao Lộc</i>	6.162.852	6.162.852
Dài hạn	1.660.647.538	9.357.947.602
Các Xí nghiệp phải thu nội bộ của Công ty	1.660.647.538	9.357.947.602
<i>Xí nghiệp Chi Lăng</i>	-	773.699.017
<i>Xí nghiệp Hữu Lũng</i>	200.000.000	837.879.198
<i>Xí nghiệp Tràng Định</i>	320.000.000	1.688.788.425
<i>Xí nghiệp Văn Lãng</i>	230.000.000	1.240.213.079
<i>Xí nghiệp Lộc Bình</i>	573.000.000	2.698.335.789
<i>Xí nghiệp Bắc Sơn</i>	-	359.623.561
<i>Xí nghiệp Văn Quan</i>	130.000.000	796.229.925
<i>Xí nghiệp Bình Gia</i>	-	515.531.070
<i>Xí nghiệp Đình Lập</i>	112.635.538	352.635.538
<i>Xí nghiệp Xây Lắp</i>	95.012.000	95.012.000
Cộng	2.659.662.739	10.352.324.680

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.416.416.950		2.193.772.590	
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, khác	900.000	-	-	-
Phải thu người lao động	258.894.687	-	39.747.313	-
Phải thu khác	415.126.263	-	791.992.397	-
Tạm ứng	715.846.000	-	1.351.889.000	-
Ký quỹ, ký cược	25.650.000	-	10.143.880	-
Dài hạn	9.000.000	-	-	-
Phải thu khác	9.000.000	-	-	-
Cộng	1.425.416.950	-	2.193.772.590	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu vật liệu	833.194.651	-	669.333.571	-
Công cụ dụng cụ	166.040.484	-	144.211.210	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	119.924.518	-	489.808.900	-
Cộng	1.119.159.653	-	1.303.353.681	-

10. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	116.206.136	111.501.172
Các khoản khác	116.206.136	111.501.172
Dài hạn	1.587.315.143	1.593.307.612
Các khoản khác	1.587.315.143	1.593.307.612
Cộng	1.703.521.279	1.704.808.784

11. Nợ xấu

Thời gian quá hạn Năm	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Các khoản phải thu				
Xí nghiệp Lộc Bình	65.788.227	-	65.788.227	65.788.227
Ban QLDA 3694	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000
Trạm quản lý nước LB	25.788.227	-	25.788.227	25.788.227
Xí nghiệp Xây lắp	15.000.000	-	15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai	-	-	-	-
thác Khoáng sản Việt Bắc	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Vĩnh Long	-	-	-	-
Ông Nông Sơn Hà	15.000.000	-	15.000.000	15.000.000
Xí nghiệp Chi Lăng	473.917.945	-	473.917.945	473.917.945
Nhà máy Xi măng Đồng Bành	473.917.945	-	473.917.945	473.917.945
Xí nghiệp Trảng Định	-	-	-	-
Nợ đọng thủy lợi phí	-	-	-	-
Cộng	554.706.172	-	80.788.227	821.499.468
				80.788.227

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI LẠNG SƠN
Số 603 Đường Bà Triệu, P. Đồng Kinh, TP. Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023
Mẫu B09-DN

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Tại 01/01/2023	61.355.335.157	27.481.162.918	9.365.718.360	112.900.000	1.025.883.523.757	1.124.198.640.192
Tăng trong năm	6.841.457.000	321.515.000	-	-	51.619.927.000	58.782.899.000
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	6.841.457.000	321.515.000	-	-	51.619.927.000	58.782.899.000
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm						
Thanh lý, nhượng bán	-	81.690.000	-	-	-	81.690.000
Tại 31/12/2023	-	81.690.000	-	-	-	81.690.000
Giá trị hao mòn lũy kế	68.196.792.157	27.720.987.918	9.365.718.360	112.900.000	1.077.503.450.757	1.182.899.849.192
Tại 01/01/2023	16.996.345.734	13.536.629.857	8.835.061.780	103.549.976	162.452.677.131	201.924.264.478
Tăng trong năm	2.329.536.011	492.849.956	269.698.437	4.674.996	-	3.096.759.400
Khấu hao trong năm	2.329.536.011	492.849.956	269.698.437	4.674.996	-	3.096.759.400
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm						
Thanh lý nhượng bán	-	(81.690.000)	-	-	-	(81.690.000)
Tại 31/12/2023	-	(81.690.000)	-	-	-	(81.690.000)
Giá trị còn lại	19.325.881.745	13.947.789.813	9.104.760.217	108.224.972	162.452.677.131	204.939.333.878
Tại 01/01/2023	44.358.989.423	13.944.533.061	530.656.580	9.350.024	863.430.846.626	922.274.375.714
Tại 31/12/2023	48.870.910.412	13.773.198.105	260.958.143	4.675.028	915.050.773.626	977.960.515.314



13. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	10.621.546.264	10.621.546.264	12.530.852.075	12.530.852.075
Công ty Thi công Xây dựng Nhật Quang	1.582.253.892	1.582.253.892	2.977.930.440	2.977.930.440
Hoàng Thị Thu Thủy	369.600.000	369.600.000	204.820.000	204.820.000
Triệu Văn Thạch	321.600.000	321.600.000	-	-
Đình Bốn Linh	298.200.000	298.200.000	-	-
Phạm Đình Nam	388.800.000	388.800.000	-	-
Nông Ngọc Huy	-	-	495.160.000	495.160.000
Dương Công Trường	142.200.000	142.200.000	-	-
Công ty Điện lực Lạng Sơn - CN Hữu Lũng	417.184.684	417.184.684	261.759.362	261.759.362
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Minh Hòa	313.538.000	313.538.000	-	-
Các đối tượng khác	6.788.169.688	6.788.169.688	8.591.182.273	8.591.182.273
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.621.546.264	10.621.546.264	12.530.852.075	12.530.852.075

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
Thuế phải nộp	1.956.464.126	6.519.769.324	6.138.509.210	2.337.724.240
Thuế giá trị gia tăng	1.588.466.447	4.427.354.255	4.088.288.198	1.927.532.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp	243.281.871	211.897.148	247.420.541	207.758.478
Thuế thu nhập cá nhân	48.297.447	1.109.279.361	1.071.111.603	86.465.205
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Thuế tài nguyên	76.418.361	417.081.870	424.890.178	68.610.053
Thuế đất, tiền thuê đất	-	98.828.833	98.828.833	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	240.327.857	192.969.857	47.358.000
Cộng	1.956.464.126	6.519.769.324	6.138.509.210	2.337.724.240
Thuế phải thu	923.152.536	1.239.464.051	1.211.097.649	894.786.134
Thuế giá trị gia tăng	647.888.601	553.787.187	500.869.036	594.970.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	227.471.404	354.155.437	315.000.000	188.315.967
Thuế thu nhập cá nhân	43.253.642	153.155.809	113.692.670	3.790.503
Thuế đất, đất phi nông nghiệp	4.355.380	178.365.618	281.535.943	107.525.705
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	183.509	-	-	183.509
Cộng	923.152.536	1.239.464.051	1.211.097.649	894.786.134

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI LẠNG SON

Số 603 Đường Bà Triệu, P. Đông Kinh, TP. Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Các thuyết minh là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Mẫu B09-DN

15. Phải trả nội bộ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	9.456.908.725	17.091.742.879
Công ty phải trả nội bộ các Xí nghiệp	8.181.244.606	15.971.717.912
Các Xí nghiệp phải trả nội bộ của Công ty	1.275.664.119	1.120.024.967
<i>Xí nghiệp Chi Lăng</i>	62.916.000	30.795.000
<i>Xí nghiệp Hữu Lũng</i>	-	62.673.000
<i>Xí nghiệp Cao Lộc</i>	24.470.000	28.824.000
<i>Xí nghiệp Thành Phố</i>	116.859.000	10.309.890
<i>Xí nghiệp Tràng Định</i>	55.269.716	33.064.886
<i>Xí nghiệp Văn Lãng</i>	27.741.900	7.283.090
<i>Xí nghiệp Lộc Bình</i>	183.345.953	491.264.847
<i>Xí nghiệp Bắc Sơn</i>	74.702.000	79.879.000
<i>Xí nghiệp Văn Quan</i>	44.202.000	49.566.254
<i>Xí nghiệp Bình Gia</i>	28.314.000	24.457.000
<i>Xí nghiệp Đình Lập</i>	35.479.000	25.175.000
<i>Xí nghiệp Xây Lắp</i>	622.364.550	276.733.000
Dài hạn	-	270.000.000
Các Xí nghiệp phải trả nội bộ của Công ty	-	270.000.000
<i>Xí nghiệp Đình Lập</i>	-	270.000.000
Cộng	9.456.908.725	17.361.742.879

16. Dự phòng phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.497.084.545	447.985.587
Dự phòng tiền lương	1.497.084.545	447.985.587
Cộng	1.497.084.545	447.985.587

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	921.841.125.454	1.094.000.000	1.546.180.342	924.481.305.796
Tăng vốn trong năm trước	34.934.264.424	-	-	34.934.264.424
Lãi trong năm trước	-	-	1.249.307.793	1.249.307.793
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	350.000.000	-	350.000.000
Tăng khác	2.974.946.827	-	-	2.974.946.827
Giảm vốn trong năm nay	(618.563.000)	-	-	(618.563.000)
Giảm khác	(2.984.657.251)	-	(1.236.938.409)	(4.221.595.660)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	956.147.116.454	1.444.000.000	1.558.549.726	959.149.666.180
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	956.147.116.454	1.444.000.000	1.558.549.726	959.149.666.180
Tăng vốn trong năm nay	58.751.369.000	-	-	58.751.369.000
Lãi trong năm nay	-	-	1.257.973.494	1.257.973.494
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	370.000.000	-	370.000.000
Tăng khác	2.318.717.208	-	-	2.318.717.208
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	(7.078.917.208)	-	(1.249.307.793)	(8.328.225.001)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.010.138.285.454	1.814.000.000	1.567.215.427	1.013.519.500.881

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	1.010.138.285.454	956.147.116.454
Cộng	1.010.138.285.454	956.147.116.454

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	956.147.116.454	921.841.125.454
Vốn góp tăng trong năm	61.070.086.208	37.909.211.251
Vốn góp giảm trong năm	7.078.917.208	3.603.220.251
Vốn góp cuối năm	1.010.138.285.454	956.147.116.454
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-
Cộng	1.010.138.285.454	956.147.116.454

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp sản phẩm công ích thủy lợi công ty	28.302.492.801	27.136.747.000
Doanh thu cấp nước	3.227.810.316	2.784.592.104
Doanh thu của hợp đồng xây dựng cơ bản	45.093.862.745	42.494.518.534
Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi huyện	9.584.558.042	9.621.036.605
Doanh thu khác	8.562.242.181	4.734.830.257
Cộng	94.770.966.085	86.771.724.500

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi công ty	28.663.658.109	27.128.019.493
Giá vốn cung cấp nước	3.019.407.407	2.562.866.186
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	41.601.164.461	39.661.534.528
Giá vốn sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi huyện	8.814.588.167	9.056.486.777
Giá vốn hoạt động khác	8.186.929.037	4.575.060.806
Cộng	90.285.747.181	82.983.967.790

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.783.602.968	1.302.737.158
Cộng	1.783.602.968	1.302.737.158

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	537.149.645	1.270.693.367
Chi phí khấu hao	492.886.783	321.964.077
Trích lập dự phòng tiền lương	1.501.884.545	217.668.239
Các khoản chi phí khác	3.362.147.782	2.584.255.681
Cộng	5.894.068.755	4.394.581.364

23. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản xí nghiệp trích nộp	1.150.759.564	865.768.216
Thu nhập khác	56.797.505	
Cộng	1.207.557.069	865.768.216

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	314.493.374	312.326.948
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	314.493.374	312.326.948

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.540.869.803	21.095.850.375
Chi phí nhân công	38.029.239.902	26.314.754.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.021.816.010	2.746.088.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.900.422.813	25.498.430.105
Chi phí khác bằng tiền	11.512.258.439	11.979.062.768
Cộng	96.004.606.967	87.634.185.931

26. Các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lương, thù lao Ban điều hành Công ty	1.164.000.000	1.214.400.000
Cộng	1.164.000.000	1.214.400.000

27. Số liệu so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch công ty



Trần Quốc Anh



Phí Thị Hồng Thương



Lê Mai Lan